| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DẦU TIẾNG**<br>**TỈNH BÌNH DƯƠNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 16-4-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phan Xuân Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Vương Thị Vui;

2. Bà Nguyễn Thị Thu Thu.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoàng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:* Ông Trần Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 732/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2018 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị X, sinh năm 1982; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969; hộ khẩu thường trú: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 15/10/2018 và lời trình bày tranh luận tại phiên tòa của nguyên đơn (bà Lê Thị X) thể hiện:***

Bà X và ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyên, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương ngày 03/7/2003.

Quá trình chung sống, hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống vì lý do ông T có thái độ nghi ngờ vợ có quan hệ bất chính với người khác và có hành vi xúc phạm danh dự, nhân phẩm của bà X. Điều này đã làm ảnh hưởng cuộc sống và tinh thần của hai bên, bà X thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc và tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà X làm đơn xin ly hôn với ông T. Về nội dung mâu thuẫn thì các con, hàng xóm láng giềng và chính quyền địa phương đều biết.

Quá trình chung sống hai vợ chồng có 02 người con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/9/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/9/2005. Bà X có nguyện vọng chăm sóc, nuôi dưỡng 02 người con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Bản thân bà X đang làm công nhân giày da thu thập hàng tháng hơn 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Lời trình bày tranh luận tại phiên tòa của bị đơn (ông Nguyễn Văn T) thể hiện:***

Ông T thống nhất với bà X về quá trình tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương ngày 03/7/2003. Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/9/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/9/2005. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu ly hôn của bà X thì ông T không đồng ý vì còn thương vợ, thương con. Tuy nhiên trong cuộc sống gia đình phía ông T nhận thấy rằng bản thân ông có lỗi là do nghi ngờ vợ mình có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không chứng cứ gì để chứng minh và có hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà X khiến cho cuộc sống của hai vợ chồng bị ảnh hưởng về mặt tình cảm. Bản thân ông T làm thợ hồ với thu nhập hàng ngày là 270.000 đồng (hai trăm bảy mươi ngàn đồng) nhưng thu nhập này không ổn định. Ông T yêu cầu Tòa án tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân gia đình và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bị đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:*** Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị X đối với ông Nguyễn Văn T; giao 02 người con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/9/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/9/2005 cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn bà X và bị đơn ông T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2000, hôn nhân tự nguyên, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương ngày 03/7/2003. Hôn nhân giữa bà X với ông T là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[2] Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn với lý do ông T nghi nghờ bà X có quan hệ bất chính với người đàn ông khác và thường xuyên xúc phạm danh dự, nhân phẩm làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của bà X, đời sống chung vợ chồng không có hạnh phúc. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn xin ly hôn với bị đơn.

[3] Ngược lại, phía ông T không đồng ý ly hôn với bà X vì cho rằng còn thương vợ thương con. Tuy nhiên tại biên bản làm việc với Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng ngày 10/01/2019 (bút lục 59) bị đơn ông T thừa nhận bản thân có lỗi là do nghi ngờ vợ mình có quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không chứng cứ gì để chứng minh và có thái độ, hành vi xúc phạm đến danh dự, nhân phẩm của bà X khiến cho cuộc sống của hai vợ chồng bị ảnh hưởng về mặt tình cảm. Bên cạnh đó ngày 01/3/2019 và ngày 04/3/2019 (bút lục 54, 55) Tòa án cũng tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình của đương sự tại địa phương nơi đương sự sinh sống thể hiện ông T thường xuyên uống rượu về tranh cải với bà X, đôi lúc hai bên có xung đột về hành vi bạo lực diễn ra từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay, nguyên nhân chính là do bị đơn nghi ngờ bà X quan hệ bất chính với người đàn ông khác nhưng không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh. Sự việc mâu thuẫn gia đình ông T, bà X thì chính quyền địa phương đã nhiều lần vận động hòa giải nhưng không thành. Mặc khác tại phiên tòa, ông T cũng thừa nhận đôi lúc thể hiện cách cư xử vợ chồng không đúng làm ảnh hưởng đến tinh thần và công việc hàng ngày của bà X. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết đã tạo điều kiện về mặt thời gian để hai bên đoàn tụ với nhau nhưng bất thành, điều này cho thấy ông T không thay đổi cách cư xử trong cuộc sống vợ chồng, không chăm lo cuộc sống gia đình hạnh phúc thương yêu vợ con mà ngược lại còn có thái độ nghi ngờ vợ mình có quan hệ bất chính với người đàn ông khác dẫn đến việc xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người người phụ nữ được pháp luật bảo vệ. Đây chính là nguyên nhân dẫn đến cuộc sống mâu thuẫn gia đình xảy ra trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà X là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống có 02 người con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/9/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/9/2005. Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 và ngày 18/3/2019, cháu Nguyễn Trung H và cháu Nguyễn Thị Quỳnh N thể hiện nguyện được chung sống với

mẹ là bà X. Vì vậy, cần giao 02 cháu cho bà X chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Việc bà X không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến này.

[5] Tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Lê Thị X với ông Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị X trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Trung H, sinh ngày 08/9/2001 và Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh ngày 03/9/2005. Ghi nhận sự tự nguyện của bà X về việc không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Lê Thị X nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0012653 ngày 07 tháng 12 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2019).

***Nơi nhận***:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- UBND xã Định An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Xuân Nam**